PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khác hàng ứng dụng ***Pioneer Shipbrokers*** *có trên* ***iOS và Android,*** *công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường*

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 36/2021

(07/09/2021 – 13/09/2021)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI đã tăng trở lại từ giữa tuần, hiện ghi nhận ở mức 4.163 điểm. Thị trường hoạt động khá sôi nổi, nhất là ở các phân khúc Ultramax, Supramax và Panamax. Tuần này chủ tàu Hy Lạp Cosmoship bán tàu ***Niki C*** (29.974 dwt, đóng 2011 Trung Quốc) cho người Mua Trung Quốc với giá 12 triệu đô la Mỹ. Tàu cần phải lên đà DD/SS trong tháng này và có thời hạn chót lắp đặt hệ thống xử lý nước dằn vào tháng 07/2022. Thời gian gần đây không ghi nhận tàu 30k đóng 2011 Trung Quốc bán nên giá tàu ***Niki C*** đã thiết lập mốc tham chiếu mới cho các tàu tương tự bán sau này. Đối với tàu già, ghi nhận tàu ***Lucky Trader*** (23.522 dwt, đóng 1996 Nhật) bán cho người Mua Ai Cập với giá 6,75 triệu đô la Mỹ. Chủ tàu Hy Lạp bảo quản tàu rất tốt và tàu đã qua đà DD/SS tháng 02/2021. Cách đây 3 tháng, tàu tương tự trẻ hơn một tuổi ***Raeda*** (23.544 dwt, đóng 1997 Nhật) bán với giá 5,25 triệu đô la Mỹ. Như vậy có thể dễ dàng thấy thời gian qua, giá tàu phân khúc Handy vẫn tiếp tục tăng giá bất kể tàu trẻ hay già. Người Mua trong thời gian qua chần chừ giao dịch với tâm thế chờ đợi thị trường giảm nhưng thực tế giá trị tàu ngày một tăng và các mốc giá mới liên tục được thiết lập trong một tháng qua.

Xu hướng thị trường mảng tàu dầu tiếp tục trầm lắng với rất ít giao dịch. Ở phân khúc MR, cặp tàu dầu/hóa chất ***Stena Important*** và ***Stena Image*** (~49.700 dwt, đóng 2015 Trung Quốc) bán cho người mua Trung Quốc, giá bán chưa được tiết lộ. Hai tàu đều lắp hệ thống xử lý nước dằn cùng hạn đà DD/SS còn dài. Từ đầu năm đến nay chưa hề ghi nhận tàu đóng Trung Quốc tương tự bán (dựa trên các báo cáo công khai) mà chỉ ghi nhận duy nhất các giao dịch mua bán tàu đóng mới 2021 (49.600 dwt). Tàu dầu ***Amelia Pacific*** (45.811 dwt, đóng 2006 Nhật) bán với giá 8,2 triệu đô la Mỹ. Hạn chót lên đà DD/SS tàu vào tháng 11/2021.Tuần này tàu nhỏ ***Lutsen*** (12.910 dwt, đóng 2006 Hàn) bán với giá 6,25 triệu đô la Mỹ. Giá này nhìn chung khá tốt vì giao tàu ngay. Ngoài ra tháng trước tàu đã lên đà DD/SS tại Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời cũng lắp hệ thống xử lý nước dằn.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Price m.usd	Buyers	Comment
			BULKERS			
NSS Dynamic	2002	Japan	233,584	18.50	Chinese	Dely 12/2021-01/2022
Ocean Diamond	2012	China	93,025	18.10	Chinese	DD/SS due 01/2022
Vijayanagar	2010	Japan	82,167	24.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 07/2023, SS 02/2025
Shao Shan 6	2002	China	75,700	20.90	Chinese	Auction sale, BWTS fitted, DD/SS 06/2022
Navios Altair I	2006	China	74,475	14.00	Chinese	DD/SS due 12/2021

Nautical Runa	2015	China	63,577	55.00	Undisclosed	BWTS & Scrubber fitted
Nautical Lucia	2016	China	63,548			
Nord Summit	2012	Japan	61,649	25.50	Chinese	Qualship 21 Cert, BWTS & Scrubber fitted, DD/SS 08/2022
IVS Phoenix	2019	Japan	60,477	25.00	Japanese	***Revise the price (Week 34/2021 reported at $23.5mil),*** BWTS fitted, incl BB back with purchase option, DD 06/2022, SS 06/2024
New Pride	2009	Tsuneishi Cebu, Philippines	58,761	19.60	Undisclosed	Dely 12/2021, BWTS fitted, DD/SS due 01/2022
Atalanti SB	2006	Japan	56,019	16.30	Bangladeshi	DD/SS passed 06/2021
Ivy Delta	2011	Japan	55,869	20.50	Oscar Wehr	Qualship 21 Cert, M/E Wartsila, DD/SS passed 06/2021, next DD 06/2024, SS 06/2026
Bao Ella	2006	Japan	53,468	14.60	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS freshly passed 08/2021
Josco Suzhou	2004	China	49,416	13.50	Undisclosed	Auction sale, DD due 12/2021, SS 11/2023
Kmarin Mugunghwa	2014	Hyundai-Vinashin, Vietnam	37,423	21.00	Undisclosed	Eco M/E, BWTS fitted, DD 06/2022, SS 03/2024
Niki C	2011	China	29,974	12.00	Chinese	DD/SS due 09/2021, BWTS due 07/2022, Greek owner
Lucky Trader	1996	Japan	23,522	6.75	Egyptian	DD/SS passed 02/2021, next DD 02/0224, SS 01/2026
Mighty Champ	2005	Japan	10,084	Undisclosed	Undisclosed	Tween decker, CR 2X30.7T + DR 1X30T, DD 02/2023, SS 02/2025
Cheng Lu 29	2012	China	8,053	3.50	Chinese	Auction sale, single decker, gearless, M/E Chinese maker list, ***Cheng Lu 29*** (DD/SS due 11/2021), ***Cheng Lu 28*** (class withdrawn since 03/2021), Chinese owner
Cheng Lu 28	2011	China	8,033	3.50		
TANKERS						
KOS	2001	Korea	305,870	27.00	Undisclosed	Old sale
Sunny Atlantica	2006	Korea	114,896	15.00	Undisclosed	Ice class, DD/SS due 11/2021
Minerva Nike	2004	Korea	105,320	14.00	Undisclosed	Old sale
Ocean Sunrise	2008	Korea	51,246	6.85	Greek	Auction sale, laid up condition, pumproom type, BWTS fitted, DD 11/2022, SS 11/2024
Stena Important	2015	China	49,731	Undisclosed	Chinese	BWTS fitted, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD 11/2023, SS 10/2025
Stena Image	2015	China	49,719			BWTS fitted, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD 07/2023, SS 04/2025

Amelia Pacific	2006	Japan	45,811	8.20	Undisclosed	Pumproom type, DD/SS due 11/2021
Lutsen	2006	Korea	12,910	6.25	Undisclosed	Prompt dely, BTWS fitted, chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD/SS freshly passed 08/2021
			CONTAINER			
MP The Gronk	2005	Korea	68,168	242.00	Swiss, MSC	5060 teu, BWTS & Scrubber fitted
MP The Edelman	2005	Korea	68,042			5060 teu, BWTS & Scrubber fitted
MP The Brady	2005	Korea	68,017			5060 teu, BWTS & Scrubber fitted
MP The Belichick	2006	Korea	65,965			5041 teu, BWTS & Scrubber fitted
E. R. Denmark	2002	Korea	67,935	43.50	Undisclosed	5990 teu, DD/SS 07/2022
Piraeus Trader	2006	China	23,723	25.50	Euroseas	Incl 3 years TC, 1732 teu, ice class, DD/SS due 09/2021, UK-based owner
Acacia Rei	2010	China	23,327	32.50	Chinese	1740 teu, ice class, DD 04/2023, SS 04/2025, Chinese owner
Feeder 1	2021	China	23,250	39.00	Singaporean, Sea Consortium	1750 teu, BWTS fitted, DD/SS passed 02/2021, next DD 02/2024, SS 02/2026, Indonesian owner

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: đô la Mỹ)		Ngày 10/09	Ngày 06/08	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	57.00	55.00	3.9	34.5	47.2	57.0
180k dwt	5 tuổi	44.00	42.00	4.8	23.0	30.9	44.0
170k dwt	10 tuổi	34.25	31.00	10.5	12.0	21.6	34.3
150k dwt	15 tuổi	22.00	21.00	4.8	6.5	13.4	22.0
PANAMAX							
82k dwt	Resale	38.50	37.00	4.1	22.5	29.5	38.5
82k dwt	5 tuổi	33.00	31.50	4.8	11.5	21.7	33.0
76k dwt	10 tuổi	25.00	23.25	7.5	7.3	13.7	25.0
74k dwt	15 tuổi	17.25	17.00	1.5	3.5	9.0	17.3
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	35.50	35.50	0.0	19.0	26.8	35.5
58k dwt	5 tuổi	29.00	27.50	5.5	11.0	17.0	29.0
56k dwt	10 tuổi	21.50	19.50	10.3	6.0	12.3	21.5
52k dwt	15 tuổi	16.00	14.25	12.3	3.5	8.0	16.0
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	29.50	29.00	1.7	17.0	22.1	29.5
37k dwt	5 tuổi	24.50	23.50	4.3	7.8	14.8	24.5
32k dwt	10 tuổi	17.00	16.25	4.6	6.0	9.5	17.0
28k dwt	15 tuổi	10.00	9.50	5.3	3.5	5.7	10.0

Giá trị tàu dầu (đv: triệu đô la Mỹ)		Ngày 10/09	Ngày 06/08	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
VLCC							
310k dwt	Resale	98.00	98.00	0.0	82.0	91.3	106.0
310k dwt	5 tuổi	70.50	72.50	-2.8	60.0	68.1	83.0
250k dwt	10 tuổi	47.00	50.50	-6.9	38.0	45.8	58.0
250k dwt	15 tuổi	33.50	36.50	-8.2	21.5	30.1	40.0
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	68.00	68.00	0.0	54.0	62.3	72.0
150k dwt	5 tuổi	48.50	49.50	-2.0	40.0	47.0	62.0
150k dwt	10 tuổi	32.50	33.50	-3.0	25.0	32.1	44.5
150k dwt	15 tuổi	18.00	19.00	-5.3	16.0	19.4	24.0
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	56.00	56.00	0.0	43.5	49.3	56.0
110k dwt	5 tuổi	40.50	40.50	0.0	29.5	35.4	47.5
105k dwt	10 tuổi	26.50	26.50	0.0	18.0	23.4	32.5
105k dwt	15 tuổi	16.50	16.50	0.0	11.0	14.3	21.0
MR							
52k dwt	Resale	39.00	39.00	0.0	33.0	36.5	40.0
52k dwt	5 tuổi	28.50	28.50	0.0	23.0	26.9	31.0
45k dwt	10 tuổi	18.50	20.00	-7.5	14.5	17.9	21.0
45k dwt	15 tuổi	11.50	13.50	-14.8	9.0	11.0	13.5

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tanker	115,000 dwt	Undisclosed	4	Daehan, Korea	TEN	Q4 2023	Dual-fuel, to be chartered to Equinor for 5 years with options
Bulker	Newscastlemax	61.00	2	Qingdao Beihai	CMB	Q4 2023	Price per unit, conventional propulsion
Bulker	85,000 dwt	Undisclosed	3	Undisclosed	Golden Ocean	Lat 2023-Early 2024	Dual-fuel
Bulker	40,000 dwt	High 20.00	2	Shin Kurushima	Franbo Lines, Taiwan	FH 2023	Price per unit, tier III

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 10/09	Ngày 06/08	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU HÀNG KHÔ						
Capesize (180.000 dwt)	60.0	60.0	0.0	41.8	48.1	60.0
K.sarmax (82.000 dwt)	36.0	36.0	0.0	24.3	29.2	36.0
P.max (77.000 dwt)	33.8	33.8	0.0	23.8	28.2	33.8
Ultramax (64.000 dwt)	33.0	33.0	0.0	22.3	27.2	33.0
Handysize (37.000 dwt)	29.5	29.5	0.0	19.5	23.5	29.5
TÀU CONTAINER						
Post P.max (9.000 teu)	124.5	122.0	2.0	82.5	89.1	124.5
P.max (5.200 teu)	67.5	66.5	1.5	42.5	50.1	67.5
Sub P.max (2.5000 teu)	36.5	35.5	2.8	26.0	30.9	36.5
Feeder (1.700 teu)	28.0	27.0	3.7	18.6	22.8	28.0

Giá tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 10/09	Ngày 06/08	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU DẦU						
VLCC (300.000 dwt)	105.0	102.0	2.9	80.0	88.9	105.0
S.max (170.000 dwt)	72.0	69.5	3.6	53.0	59.0	72.0
A.max (115.000 dwt)	57.5	55.5	3.6	43.0	48.4	57.5
LR1 (75.000 dwt)	53.5	51.5	3.9	42.0	45.7	53.5
MR (56.000 dwt)	40.0	38.5	3.9	32.5	35.1	40.0
TÀU GAS						
LNG (175k cbm)	199.0	196.0	1.5	180.0	187.6	201.3
LPG LGC (80k cbm)	78.0	78.0	0.0	70.0	71.6	78.0
LPG MGC (55k cbm)	70.0	70.0	0.0	62.0	63.7	70.0
LPG SGC (25k cbm)	47.5	47.5	0.0	40.0	42.5	47.5

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Sắc đỏ vẫn bao trùm cả phân khúc **Ultramax** và **Supramax** xuyên suốt tuần qua. Nhưng trong khi cước khắp nơi giảm mạnh, thì thị trường Ấn Độ vẫn bất ngờ giữ vững vị thế của mình với biến động tương đối nhẹ. Cước ghi nhận đóng cửa ở mức 34.867 đô la Mỹ, giảm thêm 1.965 đô la Mỹ so với tuần trước. Tại Đại Tây Dương, tàu *Sun Vil II* (56.042 dwt, đóng 2013) được chốt giao ở bờ Đông Nam Mỹ đi Algeria với giá 36.500 đô la Mỹ. Tàu *CL Kate* (63.607 dwt, đóng 2017) được cho là được chốt giao Barranqilla đi Ấn Độ với giá 43.250 đô la Mỹ. Ở Ấn Độ Dương, tàu *LMZ Phoebe* (56.733 dwt, đóng 2011) được chốt giao Kandla qua Vịnh Ba Tư và trả tại Bangladesh với giá 50.000 đô la Mỹ. Tàu *Unity Spirit* (60.652 dwt, đóng 2015) được chốt giao ở Vịnh Richards đi Pakistan với giá 31.000 đô la Mỹ cộng thêm 700.000 đô la Mỹ phí ballast. Trong khi đó tại Thái Bình Dương, tàu *Magia* (57.596 dwt, đóng 2015) được chốt giao ngay Đài Loan qua Indonesia đi bờ Tây Ấn Độ với giá 43.000 đô la Mỹ. Tàu *HS Luck* (52.421 dwt, đóng 2002) được chốt giao ở Shindongkou trả tại phía Nam Trung Quốc đến CJK với giá 28.600 đô la Mỹ

Cước thuê trung bình phân khúc **Handysize** cũng giảm 553 đô la Mỹ, hiện ghi nhận ở mức 32.534 đô la Mỹ. Vịnh Hoa Kỳ vẫn tiếp tục là yếu điểm với các chuyến xuất phát từ và đi xuyên Đại Tây Dương với cước rơi vào khoảng 20.000 đô la Mỹ/ngày. Ở Thái Bình Dương, tàu *Momo Glory* (28.222 dwt, đóng 2014) được chốt giao ở Thái Lan chạy ngay Hàn Quốc với giá 28.000 đô la Mỹ. Trong khi đó tại Ấn Độ Dương, tàu *Nalinee Naree* (31.699 dwt, đóng 2005) được chốt giao ở bờ Tây Ấn Độ vào khoảng 19-22 tháng 9 đi Vịnh Hoa Kỳ với giá 38.500 đô la Mỹ. Ở Đại Tây Dương, có tin Clipper chốt tàu *Parity* (37.152 dwt, đóng 2012) giao tại Fazendinha, chở ngũ cốc đi khu vực lục địa già với giá ưu đãi 21.000 đô la Mỹ. Tàu *Aquitania* (35.938 dwt,

đóng 2005) được chốt giao Paranagua chạy ngay chuyến qua Sông Plate đến phía Bắc Brazil với giá 34.000 đô la Mỹ. Tại nơi khác, tàu *De Shang Hai* (39.821 dwt, đóng 2017) được chốt giao ở Cảng Said, chạy qua Biển Đen chở nông sản đi Vịnh Hoa Kỳ với giá 39.500 đô la Mỹ, người thuê tàu là Tiryaki. Ở mảng thuê định hạn tuần này, tàu *Dolce Vita* (38.650 dwt, đóng 2015) được chốt giao Paranagua khai thác 6-8 tháng và trả tại Đại Tây Dương với giá 28.000 đô la Mỹ. Tàu *Ocean Galaxy* (37.193 dwt, đóng 2011) được chốt giao phía Bắc Trung Quốc, dự kiến khai thác 3-5 tháng và trả tại nơi bất kỳ với giá 37.000 đô la Mỹ.

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 36/2021 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 36	TUẦN 35	Mức thấp nhất năm 2021 (cập nhật tới Tuần 36)	Mức cao nhất năm 2021 (cập nhật tới Tuần 36)
TRANSATLANTIC RV	26,215	26,975	16,608	45,050
TCT CONT/F.EAST	45,995	47,273	23,777	55,805
TCT F.EAST/CONT	19,501	20,238	4,471	19,986
TCT F.EAST RV	33,282	35,273	12,476	35,273
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	32,369	35,455	16,333	36,846
PACIFIC RV	34,200	35,743	9,408	37,350
TCT CONT/F.EAST	55,617	57,883	18,711	58,258

GIÁ THUÊ SPOT T/C TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 13/09/2021

	US$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	34,982	▼	1,243
SMALL HANDY (38BC)	32,581	▼	340
SMALL HANDY (28BC)	30,615	▼	340

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước 06/09/2021)

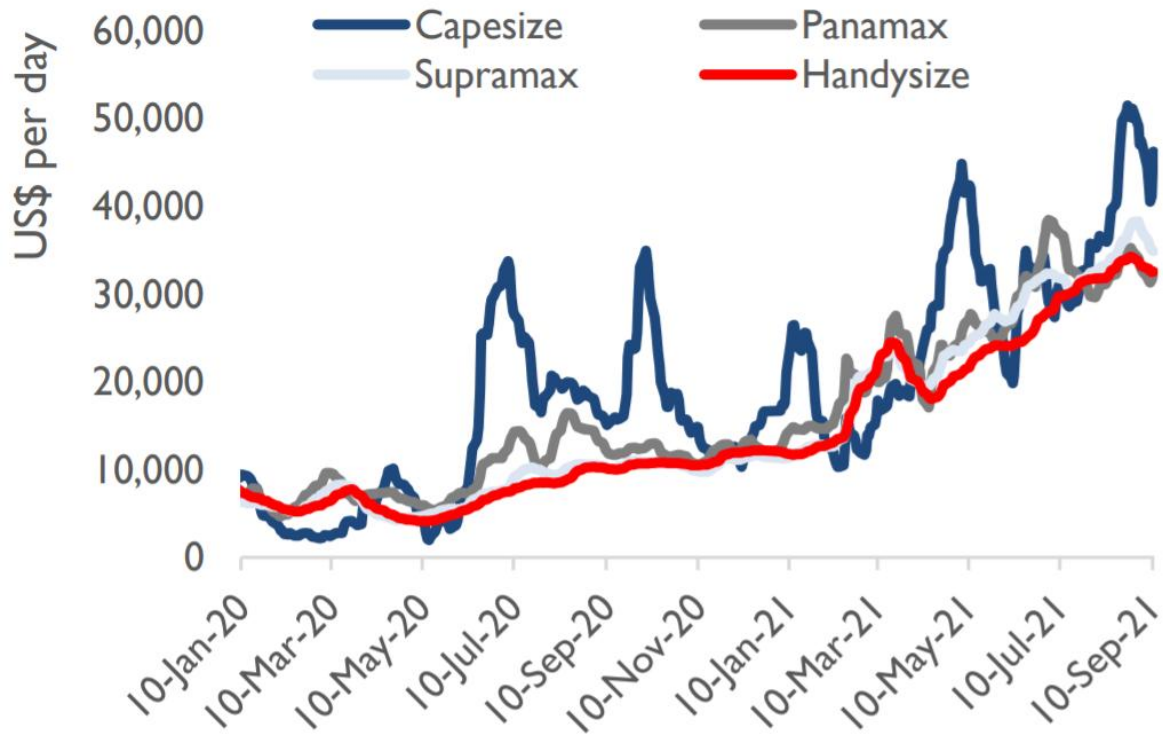

CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ

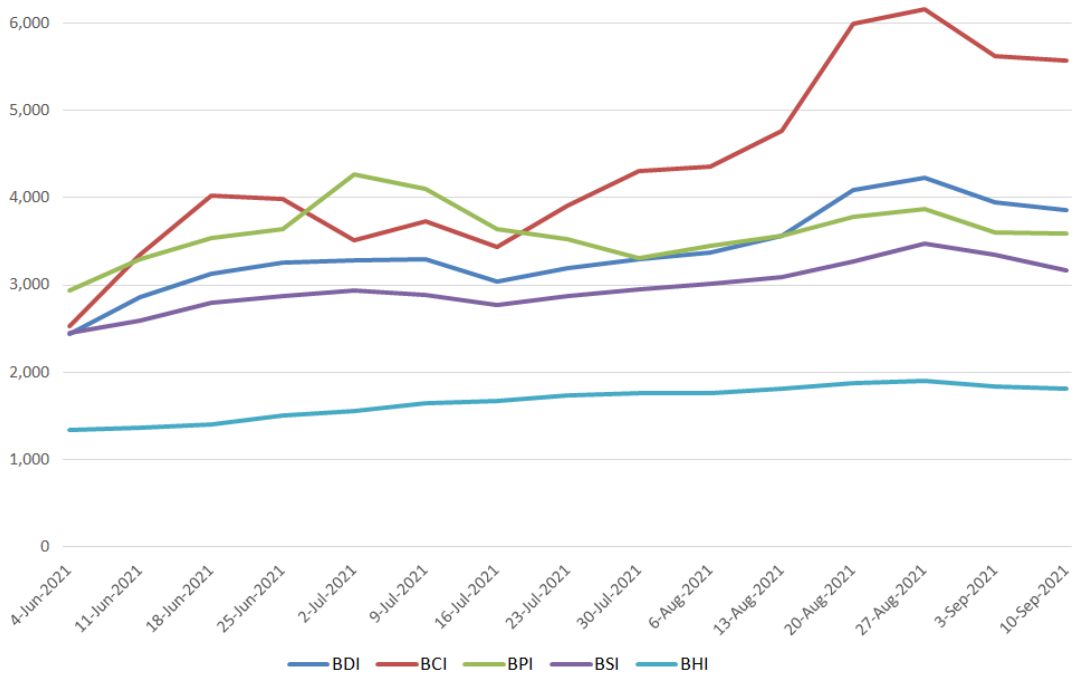

3.2. Thị trường thuê tàu dầu:

Bảng minh họa giá giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất:

	Giá thuê tàu định hạn tuần 36			Giá thuê tàu định hạn tuần 35		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	24,500	28,500	34,500	24,500	28,000	34,000
SUEZMAX	16,500	22,000	27,000	16,500	22,000	27,000
AFRAMAX	15,500	19,500	23,000	15,500	19,500	23,000
LR-2	16,750	21,250	24,250	16,750	21,000	24,250
LR-1	14,250	15,750	17,500	14,250	15,750	17,500
MR	12,500	13,500	16,250	12,250	13,500	16,000
HANDY	11,000	12,500	14,250	11,000	12,500	14,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU

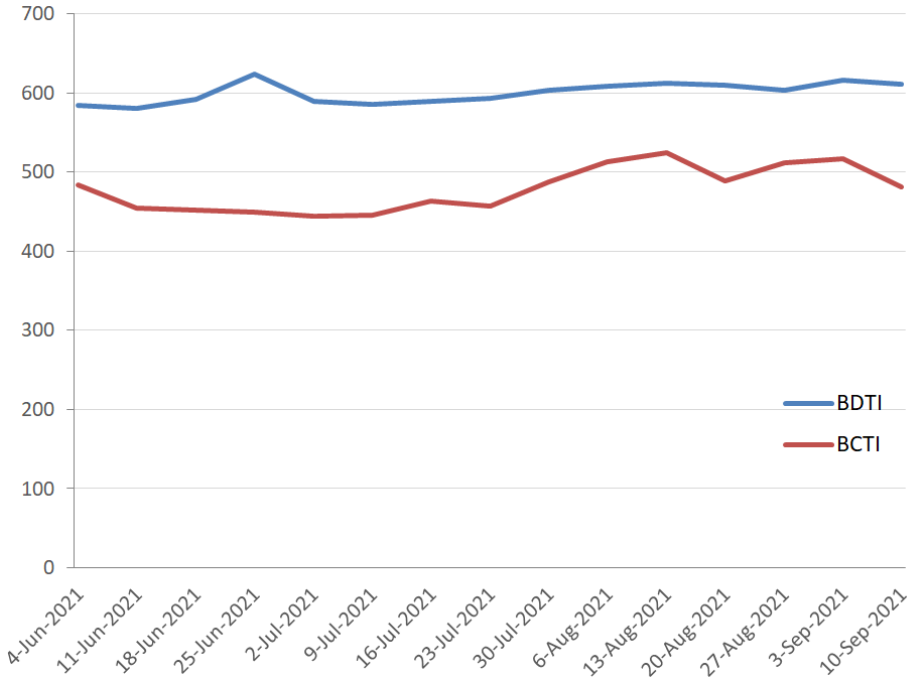

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO
(dành cho tàu có lt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US$	▼/▲	US$	▼/▲
1	Bangladesh	590		600	
2	Pakistan	580		590	
3	India	560		570	
4	Turkey	280		290	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 36/2021

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US$/lt)	Dwt	Comments
Spirit	Tanker	1996	38,726	Pakistam	-	280,889	Sold recently
Sharifa 4	Tanker	1995	16,484	Pakistan	616.00	95,416	Bronze working prop 30mt
Lindoia BR	Tanker	1996	9,420	Undisclosed	432.20	34,988	As is Brazil
Sanmar Stanza	Tanker	1999	9,364	Undisclosed	578.00	47,110	As is Colombo
Hafid	Tanker	2000	9,246	Pakistan	605.00	37,228	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU
Email:snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.